TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M (M); địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà V, phường G, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Miền Bắc. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Cao Duy T: Ông Đặng Hồng L, ông Tạ Văn P, ông Trần Văn M1, đều có địa chỉ làm việc: Công ty Cổ phần M – Tầng 12 toà nhà V phường G, thành phố Hà Nội. (theo các văn bản uỷ quyền số: 1616/2024/UQ-GĐ ngày 04/11/2024 của ông Bùi Công T, số 2259/2024/UQ-M.VPB ngày 11/11/2024 của ông Cao Duy T, ông Tạ Văn P có mặt)

Ngân hàng TMCP V (V); địa chỉ: Tòa V Tower, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, chức vụ: Giám đốc Trung tâm THN KHDN và XLN Pháp lý. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Hoàng L: Ông Đào Tuấn V, ông Nguyễn Đức L, ông Hà Giang S; đều có địa chỉ làm việc: Tầng 12 toà nhà V phường G, thành phố Hà Nội. (theo các văn bản uỷ quyền số: 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Chí D, số:

459/2025/UQ-VPB ngày 26/3/2025 của ông Đỗ Hoàng L, ông Hà Giang S có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Chí C, sinh ngày 20/07/2000; số căn cước: 0302xxx; địa chỉ: Số x, ngõ x, đường 391, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Phương A, sinh năm 1978; số căn cước: 0301xxx; địa chỉ: Số x, ngõ x, đường 391, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V thống nhất trình bày:

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Chí C đã ký Hợp đồng cho vay số LN2108064115770, số tiền cho vay: 763.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu đồng); thời hạn cho vay 240 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn mua bất động sản tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày 11/8/2021; hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/8/2022, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 240 tháng được bên Ngân hàng công bố (niêm yết tại website của Ngân hàng) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,0%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Kỳ trả nợ gốc, nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 10, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/9/2021. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Phạm Chí C đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất 138, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 643296, số vào sổ cấp GCN: CH04987 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 09/9/2020; ngày 23/7/2021 sang tên ông Phạm Chí C tại Hợp đồng thế chấp số LN2108064115770 ngày 10/8/2021, số công chứng: 169, quyển số 04-2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thành Đông. Có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 10/8/2021. Theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 10/8/2021, Ngân

hàng đã giải ngân cho ông Phạm Chí C số tiền 763.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Phạm Thị L, số tài khoản 10800xxx tại Ngân hàng: Vietinbank Chi nhánh Hải Dương. Ngày giải ngân: 11/8/2021.

Tương tự như trên, ngày 15/12/2021, Ngân hàng và ông Phạm Chí C tiếp tục ký Hợp đồng cho vay số LN2112094863420, số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); thời hạn cho vay 300 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; mục đích sử dụng vốn vay: Vay hoàn vốn mua bất động sản tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm và các nội dung khác tương tự như hợp đồng trên. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Phạm Chí C đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất 415, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 848594, số vào sổ cấp GCN: CH03518 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 29/4/2016; ngày 04/11/2021 sang tên ông Phạm Chí C tại Hợp đồng thế chấp số LN2112094863420 ngày 15/12/2021, số công chứng: 2764, quyển số 06-2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Đồng Kim Lan. Có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 15/12/2021. Theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 15/12/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phạm Chí C số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Phạm Chí C, số tài khoản 567803333 tại Ngân hàng: V Chi nhánh Lê Thanh Nghị, Hải Dương. Ngày giải ngân: 16/12/2021.

Tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/3/2022, ông Phạm Chí C, mục đích vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống, số tiền vay: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của khách hàng tại V: Số tài khoản 56780333; lãi suất: Theo quy định của V. Ngày 09/3/2022, ông Phạm Chí C đã sử dụng hạn mức tín dụng trên để chi tiêu dùng và bắt đầu phát sinh khoản nợ theo thẻ tín dụng này.

Tiếp đến ngày 13/01/2023, ông Phạm Chí C lại vay Ngân hàng, tương như các hợp đồng trên, hai bên đã ký Hợp đồng cho vay số: LN2301068083013; số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng); thời hạn cho vay 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh hoa tươi; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 13,8%/năm và các nội dung khác tương tự như hợp đồng trên. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Phạm Chí C đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất 415, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng) như trên tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 13/01/2023 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số

LN2112094863420 ngày 15/12/2021 và bà Trần Thị Phương A đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất 163, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 000760, số vào sổ cấp GCN: CH05505 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 13/5/2022 mang tên bà Trần Thị Phương A là tài sản riêng của bà để cùng bảo đảm cho khoản vay này của ông Phạm Chí C tại Hợp đồng thế chấp số 3266383 ngày 13/01/2023, số công chứng: 358, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương. Có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tứ Kỳ thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2023. Theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 13/01/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phạm Chí C số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Nguyen Thi Tam, số tài khoản 142900775 tại Ngân hàng: V Chi nhánh Lê Thanh Nghị, Hải Dương. Ngày giải ngân: 16/01/2023.

Theo các hợp đồng trên, ông Phạm Chí C đã vay của V tổng số tiền gốc: 5.963.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng và sử dụng hạn mức tín dụng nêu trên, ngày 10/01/2024 ông Phạm Chí C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 10/01/2024, khoản vay tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên đều chuyển sang nợ quá hạn. Quá trình xử lý khoản vay, Ngân hàng và sau này là Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay nhưng ông không thực hiện.

Ngày 31/5/2024, Ngân hàng TMCP V (V) đã bán các khoản nợ của ông Phạm Chí C cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-M và phụ lục 01 đính kèm. Theo đó, V đồng ý bán và Công ty Cổ phần M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay ký giữa V với ông Phạm Chí C, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng nêu trên. Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các Hợp đồng trên và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Toà án. Đồng thời V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M (10%).

Tính đến ngày 24/9/2025, tại Hợp đồng cho vay số LN2108064115770 ông Phạm Chí C mới trả số tiền gốc là 88.760.000 đồng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 205.940.246 đồng; còn nợ: Nợ gốc 674.240.000 đồng, lãi trong hạn 7.003.111 đồng, lãi quá hạn 196.683.197 đồng, lãi chậm trả 20.436.552 đồng, tổng cả gốc và lãi là 898.362.860 đồng.

Tại Hợp đồng cho vay số LN2112094863420 ông Phạm Chí C mới trả số tiền gốc là 90.220.000 đồng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 487.434.390 đồng; còn nợ: Nợ gốc 1.909.780.000 đồng, lãi trong hạn 16.098.429 đồng, lãi quá hạn 557.103.755 đồng, lãi chậm trả 56.968.092 đồng, tổng cả gốc và lãi là 2.539.950.276 đồng.

Khoản vay tiêu dùng 200.000.000 đồng, đã trả gốc 102.555.590 đồng, trả lãi 68.274.449 đồng; còn nợ: Nợ gốc 97.444.410 đồng, lãi trong hạn 2.190.912 đồng, lãi quá hạn 58.800.226 đồng, lãi chậm trả 6.103.442 đồng, tổng cả gốc và lãi là 164.538.990 đồng.

Tại Hợp đồng cho vay số LN2301068083013 ông Phạm Chí C mới trả số tiền gốc là 0 đồng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 353.408.381 đồng; còn nợ: Nợ gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 26.532.961 đồng, lãi quá hạn 900.097.014 đồng, lãi chậm trả 108.495.660 đồng, tổng cả gốc và lãi là 4.035.125.635 đồng.

Tổng cộng: 7.637.977.761 đồng (bẩy tỷ sáu trăm ba mươi bẩy triệu chín trăm bẩy mươi bẩy nghìn bẩy trăm sáu mươi mốt đồng), bao gồm: Tổng nợ gốc là 5.681.464.410 đồng (năm tỷ sáu trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười đồng) và tổng nợ lãi là 1.956.513.351 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng).

Nay, Công ty Cổ phần M và V yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Ngân hàng và Công ty M tổng số nợ tạm tính đến ngày 24/9/2025 như trên là: 7.637.977.761 đồng (bẩy tỷ sáu trăm ba mươi bẩy triệu chín trăm bẩy mươi bẩy nghìn bẩy trăm sáu mươi mốt đồng); chia tỷ lệ theo Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M kèm theo Phụ lục 01, cụ thể:

Ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M 90% tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 là 6.874.179.985 đồng.

Ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Ngân hàng 10% tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 là 763.797.776 đồng.

Và phải thanh toán trả tiền lãi phát sinh theo đúng thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng và Công ty M.

Ngân hàng và Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng và Công ty M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Chí C phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đối với bị đơn - ông Phạm Chí C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng triệu tập ông đến làm việc nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Tra cứu xuất nhập cảnh, ông Phạm Chí C xuất cảnh lần đầu ra nước ngoài ngày 18/4/2023, đến ngày 30/4/2025 nhập cảnh về Việt Nam bằng hộ chiếu qua cửa khẩu SBQT Nội Bài, lần gần nhất ngày 21/5/2025 xuất cảnh bằng hộ chiếu quan cửa khẩu SBQT Nội Bài.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Phương A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng triệu tập bà đến làm việc nhưng bà đều vắng mặt không có lý do. Tra cứu xuất nhập cảnh, bà Trần Thị Phương A không có thông tin xuất nhập cảnh; tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/4/2025, ông Nhâm Mạnh Hà tự nhận là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Phương A nhưng thời điểm đó ông không xuất trình được cho Toà án văn bản bản uỷ quyền và cũng không nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng xác định: Ông Phạm Chí C và bà Trần Thị Phương A là công dân sinh sống tại địa phương; Thửa đất 138, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 643296, số vào sổ cấp GCN: CH04987 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 09/9/2020; Thửa đất 415, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 848594, số vào sổ cấp GCN: CH03518 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 29/4/2016; Thửa đất 163, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 000760, số vào sổ cấp GCN: CH05505 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 13/5/2022. Ba thửa đất trên không có tranh chấp với các hộ giáp ranh liền kề.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 292, 293, 298, 299, 307, 317, 318, 323, 463, 466, khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Phạm Chí C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Công ty cổ phần M tính đến ngày xét xử 24/9/2025 là 7.637.977.761 đồng (bẩy tỷ sáu trăm ba mươi bẩy triệu chín trăm bẩy mươi bẩy nghìn bẩy trăm sáu mươi mốt đồng); chia tỷ lệ theo Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M kèm theo Phụ lục 01, cụ thể: Ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M 90% tổng số

tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 là 6.874.179.985 đồng. Ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Ngân hàng 10% tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 là 763.797.776 đồng. Và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng, Công ty cổ phần M cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp bị đơn không trả được đầy đủ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng, Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng, Công ty cổ phần M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Chí C có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng, Công ty cổ phần M. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Công ty Cổ phần M đã mua một phần khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay ký giữa V với ông Phạm Chí C, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng nêu trên. Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các Hợp đồng trên và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Toà án. Đồng thời V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M (10%). Do đó, Công ty Cổ phần M và V cùng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Phạm Chí C; địa chỉ: Số x, ngõ x, đường 391, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Số x, ngõ x, đường 391, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý, giải quyết vụ án dân sự dân sự là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng cho vay số LN2108064115770 ngày 10/8/2021; Hợp đồng cho vay số LN2112094863420 ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay số LN2301068083013 ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng và ông Phạm Chí C đều được lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và

dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/3/2022 được lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên, đã được Ngân hàng chấp thuận; nội dung của các Hợp đồng phù hợp với các quy định của Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó có căn cứ xác định giữa hai bên đã ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, theo đúng trình tự thủ tục quy định nên các hợp đồng nêu trên là hợp pháp.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân các khoản vay; ông Phạm Chí C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo điểm c khoản 8 Điều 2 tại Hợp đồng cho vay số LN2108064115770 ngày 10/8/2021; Hợp đồng cho vay số LN2112094863420 ngày 15/12/2021; điểm a khoản 8 Điều 1 tại Hợp đồng cho vay số: LN2301068083013 ngày 13/01/2023. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên, từ ngày 10/01/2024, các khoản vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên chuyển sang nợ quá hạn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Công ty Cổ phần M theo các Hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về lãi suất: Theo Hợp đồng cho vay số LN2108064115770 ngày 10/8/2021 và Hợp đồng cho vay số LN2112094863420 ngày 15/12/2021 đều có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày vay; hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần; Hợp đồng cho vay số LN2301068083013 ngày 13/01/2023 có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 13,8%/năm; cố định trong 03 tháng kể từ ngày vay; hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với từng loại khoản vay được bên Ngân hàng công bố (niêm yết tại website của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử, phương thức giải ngân, lãi suất theo quy định của V. Hợp đồng tín dụng quy định lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8, Điều 10 của Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, các Hợp đồng tín dụng này có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất. Lãi phạt chậm trả áp dụng đối với tiền lãi trong hạn là phù hợp với Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nêu trên.

[5] Tính đến nay (ngày 24/9/2025), Hợp đồng cho vay số LN2108064115770 ông Phạm Chí C mới trả số tiền gốc là 88.760.000 đồng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 205.940.246 đồng; còn nợ: Nợ gốc 674.240.000 đồng, lãi trong hạn 7.003.111 đồng, lãi quá hạn 196.683.197 đồng, lãi chậm trả 20.436.552 đồng, cả gốc và lãi là 898.362.860 đồng. Hợp đồng cho vay số LN2112094863420 ông Phạm Chí C mới trả số tiền gốc là 90.220.000 đồng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 487.434.390 đồng; còn nợ: Nợ gốc 1.909.780.000 đồng, lãi trong hạn 16.098.429 đồng, lãi quá hạn 557.103.755 đồng, lãi chậm trả 56.968.092 đồng, cả gốc và lãi là 2.539.950.276 đồng. Khoản vay tiêu dùng 200.000.000 đồng, đã trả gốc 102.555.590 đồng, trả lãi 68.274.449 đồng; còn nợ: Nợ gốc 97.444.410 đồng, lãi trong hạn 2.190.912 đồng, lãi quá hạn 58.800.226 đồng, lãi chậm trả 6.103.442 đồng, cả gốc và lãi là 164.538.990 đồng. Hợp đồng cho vay số LN2301068083013 ông Phạm Chí C mới trả số tiền gốc là 0 đồng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 353.408.381 đồng; còn nợ: Nợ gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 26.532.961 đồng, lãi quá hạn 900.097.014 đồng, lãi chậm trả 108.495.660 đồng, cả gốc và lãi là 4.035.125.635 đồng. Tổng cộng số tiền còn nợ là: 7.637.977.761 đồng (bảy tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), bao gồm: Tổng nợ gốc là 5.681.464.410 đồng (năm tỷ sáu trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười đồng) và tổng nợ lãi là 1.956.513.351 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng) cần buộc ông Phạm Chí C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Công ty M đối với các hợp đồng tín dụng này là phù hợp với các điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với các Hợp đồng thế chấp số LN2108064115770 ngày 10/8/2021, Hợp đồng thế chấp số LN2112094863420 ngày 15/12/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 13/01/2023 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số LN2112094863420 ngày 15/12/2021 giữa Ngân hàng và ông Phạm Chí C; Hợp đồng thế chấp số 3266383 ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng và bà Trần Thị Phương A đều được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Văn phòng đăng ký đất đai có thẩm quyền nên các hợp đồng thế chấp này đảm bảo tính pháp lý, do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với các điều 292, 293, 298, 299, 307, 317, 318, 323 của Bộ luật Dân sự.

[7] Theo Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024 và Phụ lục số 01 kèm theo giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M; V đã bán một phần (90%) các khoản nợ của ông Phạm Chí C cho Công ty Cổ phần M,

việc chuyển giao, kế thừa quyền và nghĩa vụ một phần (90%) từ V sang cho Công ty Cổ phần M không có sự đồng ý của ông Phạm Chí C là phù hợp với Điều 365, Điều 368 của Bộ luật Dân sự, khoản 4 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b, c khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm. Như vậy, Công ty Cổ phần M kế thừa một phần (90%) quyền và nghĩa vụ từ V đối với khoản nợ của ông Phạm Chí C nên cần buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ đối với các nguyên đơn theo tỷ lệ tại hợp đồng mua bán nợ là phù hợp.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng này nên không đặt ra xử lý.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và cần trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 292, 293, 298, 299, 307, 317, 318, 323, 365, 368, 398, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Chí C phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24 tháng 9 năm 2025 là: **7.637.977.761** đồng (bảy tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), bao gồm: Tổng nợ gốc là 5.681.464.410 đồng (năm tỷ sáu trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười đồng) và tổng nợ lãi là 1.956.513.351 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng). Chia tỷ lệ theo Hợp đồng mua bán nợ 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024 và Phụ lục số 01 kèm theo giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M, cụ thể: Ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M 90% tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 là **6.874.179.985** đồng (sáu tỷ tám trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng). Ông Phạm Chí C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 10% tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 là **763.797.776** đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2025, ông Phạm Chí C tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số LN2108064115770 ngày 10/8/2021; Hợp đồng cho vay số LN2112094863420 ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay số: LN2301068083013 ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Chí C; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/3/2022 giữa ông Phạm Chí C và Ngân hàng TMCP V cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Chí C không thanh toán được đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất sau:

Thửa đất 138, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 643296, số vào sổ cấp GCN: CH04987 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 09/9/2020; ngày 23/7/2021 sang tên ông Phạm Chí C tại Hợp đồng thế chấp số LN2108064115770 ngày 10/8/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Phạm Chí C.

Thửa đất 415, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 848594, số vào sổ cấp GCN: CH03518 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 29/4/2016; ngày 04/11/2021 sang tên ông Phạm Chí C tại Hợp đồng thế chấp số LN2112094863420 ngày 15/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Phạm Chí C.

Thửa đất 163, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 000760, số vào sổ cấp GCN: CH05505 do UBND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cấp ngày 13/5/2022 mang tên bà Trần Thị Phương A tại Hợp đồng thế chấp số 3266383 ngày 13/01/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Trần Thị Phương A.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Chí C phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M (theo Hợp đồng mua bán nợ 06/2024/VPB-M ngày 31/5/2024 và Phụ lục số 01 kèm theo giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M).

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Chí C phải chịu 115.638.000 đồng (một trăm mười lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bẩy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0005820 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (thông qua Phòng THADS khu vực 11);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi